

Số: /QĐ-UBND

Na Rì, ngày tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thông tin phải được công khai và danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin thuộc trách nhiệm công khai của Ủy ban nhân dân xã Na Rì năm 2026

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NA RÌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin;

Theo đề nghị của Văn phòng HĐND và UBND tại Tờ trình số 37/TTr-VP ngày 10 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố danh mục thông tin phải được công khai và danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin thuộc trách nhiệm công khai của Ủy ban nhân dân xã Na Rì năm 2026: (Có danh mục kèm theo)

Điều 2. Hình thức, thời điểm công khai thông tin được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Luật Tiếp cận thông tin và Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin.

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện:

1. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã tham mưu giúp Ủy ban nhân dân xã thực hiện cập nhật, công khai thông tin và trực tiếp thực hiện việc cung cấp thông tin do Ủy ban nhân dân xã tạo ra theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin và Nghị định số 13/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Thủ trưởng các phòng chuyên môn, các Trung tâm thuộc Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã trong thực hiện việc cập nhật, công khai, cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Thủ trưởng các phòng chuyên môn,

Trung tâm Phục vụ hành chính công, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (t/h);
- Thường trực ĐU, HĐND (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các phòng chuyên môn xã;
- Công an xã;
- Ban Chỉ huy Quân sự xã;
- Các Trung tâm: PV HCC, DVTH xã;
- Lãnh đạo VP;
- Trang thông tin điện tử xã (đăng tải);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nông Thị Anh Thơ

DANH MỤC

Thông tin phải được công khai và danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin thuộc trách nhiệm công khai của Ủy ban nhân dân xã Na Rì năm 2026
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2026 của UBND xã Na Rì)

I. Danh mục thông tin phải được công khai (theo Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016)

1. Các thông tin sau đây phải được công khai rộng rãi

a. Văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung, thủ tục hành chính, quy trình giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân xã.

b. Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của UBND xã.

c. Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nội dung và kết quả trưng cầu ý dân, tiếp thu ý kiến của nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước mà đưa ra lấy ý kiến Nhân dân theo quy định của pháp luật.

d. Chiến lược, chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của UBND xã.

đ. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước; dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán ngân sách đối với các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

e. Thông tin về phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ phi chính phủ theo quy định; thông tin về quản lý, sử dụng các khoản cứu trợ, trợ cấp xã hội; quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của Nhân dân, các loại quỹ.

g. Thông tin về danh mục dự án, chương trình đầu tư công, mua sắm công và quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công; thông tin về đấu thầu; thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giá đất; thu hồi đất; phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn.

h. Thông tin về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; báo cáo đánh giá kết quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp; báo cáo giám sát tình hình thực hiện công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp và cơ quan

nhà nước đại diện chủ sở hữu; thông tin về tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp nhà nước

i. Thông tin về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ có tác động tiêu cực đến sức khoẻ, môi trường; kết luận kiểm tra, thanh tra, giám sát liên quan đến việc bảo vệ môi trường, sức khoẻ của cộng đồng, an toàn thực phẩm, an toàn lao động.

k. Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của UBND xã và cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết các công việc của Nhân dân; nội quy, quy chế do UBND xã ban hành.

l. Báo cáo công tác định kỳ; báo cáo tài chính năm; thông tin thống kê về ngành, lĩnh vực quản lý; cơ sở dữ liệu quốc gia ngành, lĩnh vực; thông tin về tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức; thông tin về danh mục và kết quả chương trình, đề tài khoa học

m. Danh mục thông tin phải công khai theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 34 của Luật này; tên địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của UBND xã hoặc người làm đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin.

n. Thông tin liên quan đến lợi ích công cộng, sức khoẻ của cộng đồng.

o. Thông tin về thuế, phí, lệ phí.

p. Thông tin khác phải được công khai theo quy định của pháp luật.

2. Ngoài các thông tin quy định nêu trên, căn cứ điều kiện thực tế, cơ quan nhà nước chủ động công khai các thông tin khác do mình tạo ra hoặc nắm giữ.

II. Danh mục Thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (theo Điều 7 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016)

1. Thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh được tiếp cận trong trường hợp chủ sở hữu bí mật kinh doanh đó đồng ý.

2. Thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân được tiếp cận trong trường hợp được người đó đồng ý; thông tin liên quan đến bí mật gia đình được tiếp cận trong trường hợp được các thành viên gia đình đồng ý.

3. Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, người đứng đầu cơ quan nhà nước quyết định việc cung cấp thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trong trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khoẻ của cộng đồng theo quy định của luật có liên quan mà không cần có sự đồng ý theo quy định tại điểm 1,2 mục này.